

BÁT THỨC QUY CỬ BỔ CHỨ

QUYỂN HẠ

“Đối chất hữu phú chung gốc tình.”

Đây là nói thức thứ bảy chỉ có tánh vô ký trong ba tánh. Trong bốn tánh là hữu phú vô ký.

(Bốn tánh này, ở cõi Dục hoàn toàn có đủ. Hai phú trên, nghĩa là pháp nhiệm làm chướng ngại đạo Thánh. Lại, làm che lấp tâm, khiến cho bất tịnh. Chương này vì chẳng phải thiện, ác, nên gọi là vô ký).

Do tánh chẳng phải thuận ích, trái hại, vì thường đi chung với bốn hoặc, nên nói: Bốn hoặc hữu phú, nghĩa là ngã si (vô minh ngu ở ngã tướng, mê lý vô ngã, nên gọi ngã si). Ngã kiến (chấp ngã đối với pháp phi ngã, vì chấp vọng làm ngã, nên gọi ngã kiến). Ngã mạn (nghĩa là ngông cuồng, ngạo nghễ ý lại ngã đã chấp, khiến tâm tự đề cao, nên gọi là ngã mạn). Ngã ái (nghĩa là ngã tham đối với ngã đã chấp, sinh, tâm rất chấp mắc ham vui, nên gọi ngã ái).

Thức này trong ba cảnh, chỉ duyên với đối chất, vì lấy tâm duyên tâm (giải thích ở văn trên).

Chữ Tâm trên, gọi là kiến phần, chữ Tâm dưới gọi là bản chất, nghĩa là tướng phần này mang bản chất sinh, nên gọi là đối chất. Hoặc nói: Tướng phần này cũng mang theo kiến sinh, sao không nói rằng mang theo tình cảnh? Vì sợ lạm quá độc ảnh, cho nên không như vậy.

Tùy duyên chấp ngã lượng là sai.

Đây là nói thức thứ bảy tùy thuộc kiến phần của thức thứ tám, đối tượng được duyên chấp là ngã chấp. Nghĩa này lại chấp mắc, vì thức này chỉ có hai chấp ngã, pháp câu sinh vì tự nhiên khởi, chẳng phải là hai chấp ngã, mà pháp phân biệt, do không tư duy mạnh mẽ, tính toán đo lường mà khởi. Trong ba lượng chỉ là phi lượng, biết cảnh không cân xứng vì thường so lường sai lầm, nên là phi lượng.

Tám đại biến hành biệt cảnh tuệ.

Tham, si, ngã kiến, mạn theo nhau.

Đây là nói pháp tâm sở của thức thứ bảy, nghĩa là khi thức này

duyên cảnh với đại tùy có tám, biến hành có năm, tuệ trong năm biệt cảnh, bốn pháp: tham, si, kiến, mạn của phiền não căn bản, tổng cộng là mười tám tâm sở.

Đâu không phải đều có khác? Vì mâu thuẫn nhau, sao lại cho là dục, nghĩa là hy vọng sự việc chưa thích hợp. Thức này tự nhiên duyên cảnh thích hợp, vì không có hy vọng nên không có dục.

Thắng giải thì đánh dấu, giữ gìn cảnh không hề nhất định, thức này vô thỉ thường duyên sự định, trải qua đối tượng ghi dấu ấn, gìn giữ nên không có thắng giải.

Niệm chỉ ghi nhớ những việc từng đã tập, thức này thường duyên cảnh hiện được tiếp nhận, vì không có đối tượng ghi nhớ nên không có niệm.

Định, chỉ buộc tâm chuyên chú một cảnh, thức này nhậm vận sát-na duyên riêng, vì không chuyên nhất, nên không nhất định.

Tuệ, tức là mở riêng năm mươi một tâm sở của ngã kiến, thức này, ngã kiến và tuệ gồm đủ, vì thiện là tịnh, nên chẳng phải thức này đều có. Căn, dù có hai mươi sáu pháp, nhưng vì đã cùng có với ngã kiến, nên do kiến xem xét, quyết nghị không có chấp nhận khởi, vì ái chấp mắc ngã, vì không được sinh giận, nên chỉ có bốn hoặc cùng có mười, tùy thuộc hành tướng thô động như phẫn, v.v... thức này vì xem xét tế nên chẳng phải cùng có với tuệ.

Trung tùy hai, chỉ là bất thiện, vì thức này vô ký nên chẳng tương ứng với bất thiện kia.

Có thuyết nói: Thức này không tương ứng với đại tùy, vì nếu không có hôn trầm, thì lẽ ra không nhất định có, không có tánh để gánh vác. Nếu trạo cử không có thì lẽ ra sẽ không có lay động rầm rĩ, ấy là như thiện, không phải là vị ô nhiễm. Nếu trong tâm nhiễm không có tán loạn, thì lẽ ra chẳng phải buông thả, chẳng phải tâm ô nhiễm. Nếu không có thất niệm, bất chánh tri thì làm sao khởi phiền não hiện tiền được? Nên ý ô nhiễm quyết định đều tương ứng với tám tùy mà sinh.

Bốn bất định: Ố tác, nhớ lại, ăn năn nghiệp mà mình đã gây ra trước kia, thức này nhậm vận thường duyên hiện cảnh, chẳng phải nghiệp trước, nên không có ố tác.

Thùy miên phải dựa vào sự mờ tối, nặng nề của thân, tâm, năng lực của các duyên ngoài, có lúc tạm khởi, thức này chấp trong một loại vô thỉ vì không cần duyên ngoài, nên thùy miên kia chẳng phải có.

Tâm, từ đều dựa vào môn ngoài mà chuyển, tìm tòi, suy lường cạn, sâu, thô, tế mà phát ngôn, thức này chỉ y cứ vào môn nội mà chuyển,

vì một thứ chấp ngã, nên chẳng phải tầm, từ kia đều có, nên nói rằng, vì trái nhau.

Hằng xem xét, lượng ngã theo nhau.

Nghĩa là thức này thường xem xét, tìm tòi, suy nghĩ, giám sát, suy lường kiến phần thức thứ tám làm ngã, nên nói là như thế.

Hằng với xem xét phân biệt bốn câu trong tám thức.

1. Hằng mà chẳng phải xem xét, nghĩa là thức thứ tám không chấp ngã, vì không có xen hở.

2. Xem xét mà chẳng phải hằng. Nghĩa là thức thứ sáu vì chấp ngã xen hở.

3. Vừa hằng, vừa xem xét: Nghĩa là thức thứ bảy chấp ngã vì không có đoạn.

4. Chẳng phải hằng, chẳng phải xem xét: Nghĩa là năm thức trước vì không chấp ngã nên Bồ-tát Hộ Pháp nói: “Năm, tám không có pháp, cũng không có nhân, hai thức sáu, bảy rất quân bình.

Hữu tình ngày đêm trong hôn mê.

Vì thức này thường chấp ngã, nên hữu tình thường ở trong sinh tử suốt đêm dài mà không tự hay biết, vì với bốn hoặc, tám đại thường khởi chung.

Bốn hoặc, tám đại tương ứng khởi.

Câu này là tụng giải thích nghĩa của câu trên. Bốn hoặc là phiền não căn bản và tùy hoặc đều cùng thấy lời chú thích ở trên.

Đại để, căn bản không phải y tha khởi mà là tùy hoặc y tha khởi.

Sáu chuyển gọi là y nhiễm tịnh.

Nghĩa là thức thứ sáu gọi thức thứ bảy này là nhiễm tịnh y vì trong hữu lậu của thức này thường chấp ngã, nên khiến thức thứ sáu mỗi niệm trở thành nhiễm. Do thức vô lậu này thường tư duy vô ngã nên khiến thức thứ sáu mỗi niệm trở thành thanh tịnh là do thức thứ sáu, trở thành nhiễm, tịnh đều do thức thứ bảy.

Cực hỷ sơ tâm tánh bình đẳng.

Nghĩa là thức này ở Sơ địa, sơ tâm đã chuyển vô lậu, phẩm Tâm tương ứng chuyển trí cũng trở thành vô lậu. Do thức thứ sáu vì nhập quán song không. Nghĩa là thức thứ sáu vì nhập quán sinh, không nên làm chướng ngại sự chấp ngã của thức thứ bảy này không sinh, pháp chấp cũng thường còn, nên luận chép: chấp riêng mặt-na ở phần vị hạt giống.

Trí bình đẳng tánh không hiện tiền. Nghĩa là do thức thứ sáu vì nhập quán sinh không, pháp không nên chướng ngại cho hai chấp ngã,

pháp của thức thứ bảy này không khởi, nên luận chép: Song chấp mặt na quy phần vị hạt giống, trí bình đẳng tánh mới hiện tiền. Nghĩa là thức thứ bảy không có năng lực đoạn hoặc, chấp hoàn toàn dựa vào thức thứ sáu nên bài tụng chép:

Hai chương phân biệt cực hỷ không.

Câu sinh của thức thứ sáu, bảy mỗi địa đều trừ. Thức thứ bảy tu đạo trừ chủng, hiện. Vì sau Kim cương đạo đều không có, nên thức thứ bảy thành vô lậu, đều do thức thứ sáu vì đoạn hoặc chứng lý vượt hơn.

Hạnh vô công dụng ngã thường trừ.

Nghĩa là thức này, ở địa thứ tám trở xuống, pháp chấp cũng thường còn, ngã chấp dứt quăng. Do thức thứ sáu không thường ở trong quán song không, đến Bát động địa thì chấp ngã bị hàng phục hẳn. Trong pháp chấp khởi, do thức thứ sáu vì thường ở quán sinh không, sao chẳng phải đoạn hạt giống, vì không chướng ngại nhân, vì phẩm hạ cuối, vì tự ý khởi, vì chứng sâu kín, vì chỉ hữu phú.

Như Lai hiện khởi tha thọ dụng

Bồ-tát Thập địa bao trùm cơ.

Nghĩa là thức thứ bảy vô lậu này tương ứng với trí bình đẳng tánh. Hiện mười thứ thân tha thọ dụng trong quả vị Phật, tức Phật, chủ thể bao trùm, Bồ-tát Thập Địa là căn cơ, đối tượng bao trùm. Đây là y cứ vào sự vượt hơn mà nói, gọi là bốn trí thật đều có khả năng hiện.

Tánh chỉ vô phú năm biến hành.

Đây là nói trong nhân của thức thứ tám, ở ba tánh thì chỉ có tánh vô phú, vô ký. Vì không cùng có với phiền não, vì bình đẳng không chống trái, vì là đối tượng huân tập, nên khi thức này duyên cảnh, tâm sở tương ứng chỉ biến hành năm, vì pháp khác lẫn trái, sao là tánh vô ký phi thiện, phi ác. Phi thiện thì không tương ứng với thiện, phi ác thì cũng không tương ứng với ác, do trái ngược lẫn nhau.

Cõi địa theo nghiệp lực người sinh.

Thức này tùy thuộc nghiệp thiện, ác, ở trong năm đường, chín địa, ba cõi, vì đã cảm quả chân dị thực, vì làm chủ của báo chung, thể của thú hưởng sự sinh, đâu có thiên lệch làm thể, vì có bốn nghĩa, nghĩa là thật có quả hằng biến được chiêu cảm do nghiệp không có xen lẫn, nên trong tám thức, chỉ có thức thứ tám hoàn toàn do nghiệp chiêu cảm, một phần sáu thức trước do nghiệp chiêu cảm. Thức thứ bảy hoàn toàn chẳng phải do nghiệp chiêu cảm. Sáu thức trước cũng một phần không phải do nghiệp chiêu cảm, vì tánh thiện, bất thiện, nghĩa là pháp vô ký, như đất khô kia không thể tự vắt nhau thành một đồng, nên cần dùng

ngay năng lực nghiệp thiện, ác, như dùng nước, a-dao, v.v... trộn với đất khô kia, pháp vô ký khiến thành đồng đồ đựng.

Nếu pháp thiện, ác như gỗ, đá, v.v... tự trở thành đồng đồ đựng thì sẽ không cần sức người khác, nên chẳng phải do nghiệp chiêu cảm.

Bài tụng chép:

“Năng lực nghiệp sinh, nghĩa là đây”.

Nhị thừa không liễu nhân mê chấp.

Nghĩa là vì thức thứ tám rất sâu kín này, và do Nhị thừa ngu pháp Thanh văn nên không tin có thức thứ tám này, chỉ dùng thọ, huân, trì chủng của sáu thức trước, dùng trí cạn, tâm thô của Nhị thừa kia mà mê chấp.

Do đó có thể nổ ra cuộc tranh luận của Luận chủ, do Tiểu thừa không thấu đạt có thức này, cho nên Luận chủ Đại thừa dẫn bốn bài tụng, năm giáo, mười lý của ba kinh Đại thừa kia, nhằm chứng minh có thức thứ tám.

Nếu kinh A-tỳ Đạt-ma, kinh Giải Thâm Mật và kinh Lăng-nghiêm, ba kinh Đại thừa này là thừa nhận không chung. Nếu kinh A-cấp-ma của Đại chúng bộ, luận Phân Biệt của Thượng Tọa bộ, Thuyết Nhất thiết hữu bộ, Hóa địa bộ, kinh Tăng Nhất, bốn kinh Tiểu thừa là thừa nhận chung, nên bài tụng Thập Chứng chép:

Tâm dị thực trì chủng

Thú sinh hữu thọ chức

Duyên sinh tử do ăn

Tâm diệt định nhiễm tịnh.

Bài tụng này chứa đựng mười nghĩa. Nếu kinh A-tỳ-đạt-ma của Đại thừa nói: Giới ở thời kỳ vô thỉ đến nay duyên tất cả pháp, do đó mới có các cõi và sự chứng đắc Niết-bàn.

Bài tụng này chép: Vì tự tánh của thức thứ tám này rất sâu kín nên dùng tác dụng của nó để chỉ bày rõ.

Nửa bài tụng đầu chỉ rõ: Thức thứ tám làm nhân duyên tác dụng. Nửa bài tụng sau nói: Làm tác dụng y trì cho lưu chuyển, hoàn diệt. Vì giới nghĩa là nhân, tức hạt giống thức từ thời vô thỉ đến nay, đã lần lượt nối tiếp nhau, trực tiếp sinh ra các pháp, y là nghĩa duyên, tức thức chấp trì từ thời vô thỉ đến nay, đã làm chỗ nương cho tất cả pháp, nghĩa là vì công năng gìn giữ các hạt giống, nên làm đối tượng nương tựa cho pháp hiện hạnh. Đây là chứng minh tâm gìn giữ hạt giống.

Do có các cõi: Nghĩa là do có thức thứ tám này nên đã gìn giữ tất cả pháp lưu chuyển thuận, khiến cho các hữu tình trôi lăn trong sinh tử.

Mặc dù pháp hoặc, nghiệp đều là trôi lăn, nhưng cõi là quả vì vượt trội hơn, nên nói nghiêng lệch, hoặc các cõi là nói chung cho chủ thể, đối tượng của thức. Đây là nói thức này làm tác dụng y trì cho sự trôi lăn và người chứng đắc Niết-bàn, nghĩa là vì có thức này nên đã gìn giữ tất cả pháp thuận với hoàn diệt, khiến cho người tu hành sẽ được chứng đắc Niết-bàn. Đây là chỉ nói chủ thể chứng đắc, vì Niết-bàn không dựa vào thức này. Có chỗ nói: đối tượng chứng là người tu hành vì chính đối tượng cầu, hoặc nói cả hai đều thuộc về phẩm loại hoàn diệt.

Nửa bài tụng sau chép dù là pháp vô lậu nhưng cũng dựa vào thức thứ tám này mà làm sáng tỏ.

Kinh kia lại nói bài tụng rằng:

*Do nhiếp chứa các pháp
Tất cả hạt giống thức
Nên gọi A-lại-da
Trội hơn, tà khai thị.*

Nghĩa là vì thức này có đủ các hạt giống, nên có thể gồm thâu chứa giữ các pháp tạp nhiễm. Y cứ vào công năng này mà kiến lập danh từ A-lại-da. Thức này từ vô thủy đến nay cuối cùng là địa Bất động, khi chấp vô ngã, thì gọi là A-lại-da, Hán dịch là Tạng thức, nên từ công năng mà đặt tên. Kinh Giải Thâm Mật nói: “thức A-đà-na rất sâu kín, tất cả hạt giống như dòng nước chảy xiết, đối với phàm ngu, ta không mở bày giảng nói, e họ phân biệt chấp làm ngã”.

A-đà-na, đời Đường dịch là chấp trì, tức thức thứ tám, do công năng gìn giữ hạt giống, căn thân và khí thế giới, nghĩa bắt đầu sinh, thức này do công năng gìn giữ hạt giống các pháp sao cho không tan mất và có công năng chấp thọ sắc căn y xứ, cũng có khả năng chấp lấy kiết sinh nối tiếp nhau. Vì đủ ba nghĩa này nên lập ra tên gọi này.

Vì không có tánh, không thể cùng tận, nên nói rất sâu. Vì thú hưởng vắng lặng, không thể thấu suốt nên nói rất tế, chính là hạt giống chân thật cho tất cả pháp duyên kích động, ấy là sinh. Vì làn sóng của chuyển thức thường không có gián đoạn, nên nói: Như dòng nước chảy xiết, e rằng phàm ngu kia đối với chuyển thức này phân biệt chấp mắc sẽ đọa vào các cõi, gây chướng ngại cho việc phát sinh Thánh đạo, nên đức Thế Tôn đã không triển khai, giảng nói, chỉ Bồ-tát Đại thừa mới khai thị cho.

Bài tụng này cũng chứng minh nghĩa gìn giữ hạt giống, chẳng phải sáu chuyển thức trước mà có được nghĩa này.

Lại, kinh Lăng-già chép: Như biển gặp gió xuôi, nổi lên các cơn

sống to, nhỏ, chuyển biến tác dụng hiện tiền, không có lúc nào xen hở. Đây là dụ cho biến tạng thức cũng giống như vậy, cảnh giới bị gió kích động, thường khởi lên sóng thức, chuyển biến tác dụng hiện tiền.

Bài tụng này nói: Đây là thức thứ tám, chuyển thức không có được nghĩa này.

Đã nói biến Tạng thức, lại nói: thường khởi lên sóng các thức, há thức sinh diệt của sáu thức trước mà được như ở đây hay sao?

Đã dẫn trên đây, chính là bốn bài tụng của Đại thừa, giải thích chung về nghĩa tâm gìn giữ hạt giống của tụng Thập Chứng.

Lại, trong A-cấp-ma của Đại chúng bộ, mật ý nói: Đây gọi là thức căn bản, là đối tượng nương tựa của chuyển thức.

Lại, kinh luận Phân Biệt của Thượng Tọa bộ đều cùng mật ý nói: Thức này được gọi là hữu phần thức. Hữu là ba hữu, phần nghĩa là nhân, nghĩa là chỉ thức thứ tám này thường làm nhân của ba hữu khắp ba cõi.

Lại, Hóa Địa Bộ chép: Cuối cùng uẩn sinh tử vì lìa ngoài thức thứ tám này không có pháp uẩn riêng, cuối cùng mé sinh tử, không có thời gian nào xen hở.

Lại nói: Kinh Tăng Nhất của Nhất Thiết Hữu bộ mật ý nói: Gọi A-lại-da nghĩa là ái A-lại-da.

Do thuyết kia nói tên A-lại-da nhất định là thức thứ tám này.

Trên đây đã dẫn bốn giáo của Tiểu thừa, rõ ràng có thức thứ tám này. Vì sao lại chấp khư khư có sáu thức trước? Lại, kệ kinh chép: “Vì đối tượng tập khởi hạt giống của các pháp thanh tịnh, tạp nhiễm, nên gọi là Tâm”.

Nếu không có thức này thì tâm gìn giữ hạt giống kia chẳng có chẳng? Nghĩa là vì các chuyển thức ở diệt định đều có xen hở, các thức căn, cảnh, tác ý, thiện vì khác nhau nên dễ thoát khởi, vì trụ không vững chắc, nên không thể huân tập, nên không thể gìn giữ hạt giống, chỉ có thức thứ tám này vì thường không có xen hở, như cỏ thơm vượt hơn đứng vững chắc có thể xông ướp, tương đương với nghĩa tâm mà kệ kinh đã nói. Điều này cũng chứng tỏ thức thứ tám được gọi là tâm phù hợp với tâm gìn giữ hạt giống nói ở câu đầu của bài tụng Thập Chứng.

Lại nói: Có tâm dị thực chiêu cảm nghiệp thiện, ác. Nếu không có thức này thì tâm dị thực kia lẽ ra không có, nên chỉ có tâm chân dị thực, là thứ rượu ngon dẫn dắt nghiệp khắp mà không xen hở, tâm dị thực đó là thức thứ tám. Chữ tâm ở đây chung cho nghĩa của bốn chữ trì chủng dị thực.

Trên đây đã giải thích nghĩa của câu đầu bài tụng Thập chứng. Lại nói: hữu tình trôi lăn năm cõi, bốn sinh, nếu không có thức thứ tám này thì thể sinh của cõi kia lẽ ra không có. Nghĩa là chủ yếu có thật, thường khắp, không có lẫn lộn. Đủ bốn nghĩa này mới có thể lập chánh thật thú hưởng sự sinh. Nếu được chiêu cảm bởi nghiệp của năm thức trước thì sẽ không thú hưởng sự sinh, vì trong cõi Vô Sắc hoàn toàn không có năm thức này. Nghiệp ý thức cảm dù khắp thu hưởng sinh, nhưng không thường chỉ có tâm dị thực và tâm sở kia, vì đủ bốn nghĩa, nên là chánh thu hưởng sinh tâm này và tâm sở, lý lia thức thứ tám không được thành.

Đây là giải thích hai chữ thú sinh để chứng minh thức thứ tám là thể của thu hưởng sinh.

Lại, khế kinh nói: “Có sắc, căn thân là có chấp thọ. Nếu không có thức này thì công năng chấp thọ kia lẽ ra không có. Tâm năng chấp thọ này chỉ có tâm dị thực, chuyển thức nhãn không có nghĩa như thế.

Lại, khế kinh nói: Ba thọ, noãn, thức lại nương tựa lẫn nhau, gìn giữ được trụ nối tiếp nhau. Nếu không có thức này thì công năng gìn giữ thọ, noãn khiến thức trụ lâu, lẽ ra không có, nghĩa là chuyển thức có xen hở, có chuyển biến, như âm thanh, gió không có công dụng thường duy trì, nên không thể lập làm thức gìn giữ thọ, noãn, vì chỉ dị thực có tác dụng thường gìn giữ, nên có thể lấy làm thức gìn giữ sự sống lâu, hơn ấm.

Trên đây là giải thích về nghĩa của chữ Thức, chung với các nghĩa trên để giải thích câu tiếp theo là:

Thú hưởng thọ thức của sinh hữu.

Từ đây trở xuống sẽ giải thích câu: Duyên sinh tử dựa vào việc ăn.

Khế kinh chép: Các loài hữu tình thọ sinh qua đời, tất nhiên đã bám trụ ở tâm tán, chẳng phải không có tâm định. Nếu không có thừa này, thì lúc sinh tử tâm không có. Nghĩa là vào lúc sinh tử, thân tâm mê muội, tối tăm, như ngủ không có chiêm bao, khi bị ngất xỉu, ý thức sáng rõ, tất nhiên sẽ không hiện ở trước, đối tượng duyên, hành tướng của sáu thứ chuyển thức, tất nhiên không thể biết, tâm có tán này gọi là tâm sinh tử. Cũng có bộ khác vị sinh tử có riêng một loại ý thức sâu kín, với hành tướng, đối tượng duyên đều không thể hiểu rõ, nên biết là thức thứ tám. Lại, khi sắp chết, do nghiệp thiện, ác, nên xúc chạm phần thân trên, dưới hạnh dần. Nếu không có thức này thì việc kia sẽ không thành, vì chuyển thức không thể chấp thọ thân. Hiện tượng này chứng

tỏ tâm lúc sinh tử tức là thức thứ tám.

Lại nói: Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên thức. Hai pháp như thế lẫn lượt nương tựa nhau, ví như bó lau, đều cùng lúc mà chuyển. Nếu không có thức này thì tự thể của chuyển thức kia lẽ ra không có. Lại, các chuyển thức, vì chuyển vận có đứt quãng nên không có sức, lúc nào cũng giữ gìn danh sắc, thường làm duyên cho danh sắc, nên nói thức kia rõ ràng là thức thứ tám, đây là giải thích chữ Duyên.

Lại, khế kinh nói: Tất cả hữu tình đều dựa vào cái ăn mà sống còn. Nếu không có thức ấy thì thể của thức thực kia lẽ ra không có. Do đó, biết khẳng định khác với các thức, có một loại thức dị thực, thường giữ gìn khắp thân mạng, khiến cho nó không hư hoại, đứt đoạn.

Đức Thế Tôn vì y cứ vào thức này nên nói lên lời này: Tất cả hữu tình đều dựa vào cái ăn mà an trụ, nên biết chỉ có thức dị thực là tánh của cái ăn vượt hơn, thức ấy tức là thức thứ tám. Đây là giải thích hai chữ: nương tựa, ăn.

Trên đây, đã giải thích câu thứ ba: Duyên sinh tử dựa vào cái ăn.

Lại, khế kinh nói: Người ở diệt định, thân, ngữ, tâm, hành đều diệt mà Thọ, Noãn vẫn tồn tại, căn không thay đổi, hư hoại, thức không lìa ngoài thân. Nếu không có thức này thì người ở diệt định không lìa thân thức, lẽ ra không có, nghĩa là hành tướng của thức nhãn thô động, đối với cảnh đối tượng duyên khởi tất nhiên nhọc tâm lo nghĩ, vì bệnh nhàm chán đối tượng duyên kia, nên tạm thời cầu nghỉ ngơi, hàng phục dứt trừ dần dần đến khi đều hết. Y cứ vào vị này lập ra người ở diệt định, nên trong định này thức kia đều diệt. Nếu không thừa nhận có một loại thức sâu kín luôn cầm giữ khắp thọ, noãn, v.v... thức tồn tại, thì thử hỏi y cứ vào đâu mà nói là thức không lìa thân? Nếu hoàn toàn không có thức thì lẽ ra phải đồng với gạch ngói, là phi tình như thế. Do lý này nên người ở diệt định quyết định có thức. Ở vị vô tướng giống với diệt định này nên biết.

Đây là giải thích nghĩa của ba chữ: Diệt, Định, Tâm.

Lại, khế kinh nói: “Vì tâm tạp nhiễm nên hữu tình tạp nhiễm, vì tâm thanh tịnh nên hữu tình thanh tịnh”.

Nếu không có thức này thì tâm nhiễm, tịnh kia lẽ ra không có, nghĩa là pháp nhiễm, tịnh lấy tâm làm gốc, do tâm mà sinh, dựa vào tâm mà trụ.

Đây là giải thích ba chữ: Tâm, Nhiễm, Tịnh. Chữ tâm gồm trên, dưới mà nói là lược dẫn văn của luận Thành Duy Thức về nghĩa lý chữ Dục đã nói rõ ràng. Lại nói: Nếu chứng minh có thức thứ tám này thì lý

thứ thật vô biên. Quán sát lời nói này đâu chỉ riêng có mười nghĩa mà thôi.

Luận Du-già cũng có tám nghĩa nhằm chứng minh có thức này, e nhiều nên không dẫn.

Như lên, đã trích dẫn giải thích bài tụng Thập chứng xong. Đây là luận chủ hộ pháp nhân Tiểu thừa không tin thức thứ tám này, nên đã dẫn đi, dẫn lại, vì biện luận tráo trở nên tụng nói: “Do đó có thể xảy ra cuộc tranh luận của luận chủ”.

Mông mênh ba tầng không thể hết.

Mông mênh: nghĩa là sâu rộng. Ba tầng: là chủ thể, đối tượng chấp. Vì bên nghĩa gìn giữ hạt giống, gọi là chủ thể chứa đựng, tiếp nhận, bên nghĩa huân tập gọi là đối tượng dành chứa. Bảy chấp làm ngã, gọi là chấp tầng, nên bài tụng chép: “Các pháp đối với tạng thức, thức đối với pháp, cũng giống như thế. Lại, làm tánh quả lẫn nhau, cũng thường làm tánh nhân lẫn nhau. Ý bài tụng này nói: “thức A-lại-da với các chuyển thức, trong tất cả thời gian lần lượt tương sinh nhau, làm nhân quả lẫn nhau”. Luận Nhiếp Đại Thừa chép: “thức A-lại-da với pháp tạp nhiễm làm nhân duyên lẫn nhau”.

Dẫn luận này để nói là thức thứ tám này có đủ nghĩa ba tầng, với thể, dụng sâu rộng, cho nên phạm tiểu, không thể thông suốt. Lại, kinh Giải Thâm Mật nói: “thức A-đà-na rất sâu kín”.

Dẫn bài tụng này nhằm chứng minh danh, nghĩa của cầm, giữ, vì nhận thấy phạm ngu không suốt”.

Vực sâu bảy sóng cảnh bị gió.

Đây là nói hiện thức thứ tám như nước. Hiện chủng của tám thức như sóng. Bốn duyên của cảnh như gió. Nếu gió của bốn duyên luôn kích động nước hiện thức thứ tám thì sẽ thường xuyên khởi sóng hiện chủng của tám thức. Trong dụ có nhiều gió đến thì nhiều sóng sinh, ít gió đến thì ít sóng khởi. Trong pháp nhiều duyên, thì nhiều thức sinh, ít duyên, thì ít thức khởi, nên Lăng-già chép: “Như biển gặp gió xuôi”.

Thọ huân trì chủng căn thân khí.

Đây là nói thức thứ tám hay tiếp nhận sự huân tập của bảy thức trước, gìn giữ hạt giống Hữu lậu, vô lậu của các pháp, vì thức này làm chủ của quả báo chung, gìn giữ hạt giống. Vì đủ bốn nghĩa cho nên được huân tập, đó là:

1. Tánh trụ vững chắc.
2. Tánh vô ký.
3. Tánh có khả năng huân tập.

4. Hòa hợp với chủ thể huân tập.

Nói trụ vững chắc: Là một loại nối tiếp nhau từ bắt đầu của vô thí, chung cuộc của cuối cùng. Cho nên, thức thứ bảy cũng thế sao không phải đối tượng huân tập? Dùng nghĩa thứ hai để phân biệt, phải là vô ký, cũng như tánh chất vượt hơn của thứ cỏ thơm, chẳng phải ướp mùi thơm, hôi, vì mùi thơm tức hương, vì mùi hôi tức hôi. Nếu vật của thơm, hôi, thì cho dù có dùng mùi thơm, hôi để xông, ướp đi nữa, nếu trải qua lâu ngày, rốt cuộc cũng không thể nào biến đổi được vị khí của mùi thơm. Thức thứ bảy này đã là tánh hữu phú, nên chẳng phải đối tượng huân tập, tám đều cùng với năm đã đủ hai nghĩa trước, lẽ ra là đối tượng huân tập, vì nghĩa có thể huân tập thứ ba phân biệt. Nói có thể huân tập: nghĩa của tự chống đỡ, đối tượng chẳng phải tự tại, đâu thích hợp với đối tượng huân tập, nhưng thức thứ tám của người khác đủ ba nghĩa này có được huân tập chăng? Dùng nghĩa thứ tư để phân biệt: phải hòa hợp với chủ thể huân tập, nên nói là thời gian, nơi chốn của chủ thể với đối tượng đều đồng, mới là hòa hợp. Tám thức của người khác với mình, không liên can nhau, nếu công năng huân tập của mình, huân tập thức thứ tám của người khác thì nào khác gì mình ăn mà trách ở người khác no. Vì thức thứ tám đủ bốn nghĩa này nên riêng được huân tập.

Bài tụng nói: thức thứ tám được huân tập là ảnh hiển bảy thức trước, tức là chủ thể huân tập, vì nói chủ thể huân tập ảnh lược trong bài tụng về bảy thức trước, nên bốn nghĩa của chủ thể huân tập là:

1. Có sinh diệt.
2. Có công dụng vượt trội hơn.
3. Có thêm bớt.
4. Hòa hợp với đối tượng huân tập.

Gọi là sinh diệt vì có tác dụng của công năng sinh trưởng nên là chủ thể huân tập. Tuy nhiên, sắc, tâm vô ký đều có sinh diệt, cũng đều là chủ thể huân tập, dùng nghĩa thứ hai để phân biệt, phải có tác dụng vượt hơn, do sức mạnh vượt hơn của thiện, ác, hữu phú, gọi là công dụng vượt hơn. Vậy thì pháp vị Phật đã là mạnh mẽ vượt hơn sao không phải là chủ thể huân tập? Vì nghĩa thứ ba, bởi thêm bớt, mới là nghĩa tổn, ích. Phật vì không có tổn ích nên chẳng phải chủ thể huân tập, nên cứng rắn thì cứng rắn, hợp với nhu thì nhu, mới hoàn thành xong công việc, đó là tổn ích. Nhưng bảy thức trước của thân mình đủ ba nghĩa trên, có thể huân tập người khác hay không? Nghĩa là có nghĩa thứ tư, phải hòa hợp với đối tượng huân tập, nên tâm vương, tâm sở của bảy thức trước đều là chủ thể huân tập, trừ tánh vô ký, vì thiện ác đều đủ, nên đối tượng

huân tập chỉ có tâm vương, không can dự với tâm sở. Nếu tâm sở được huân tập thì sinh ra lỗi lầm to, không nên trách cứ bằng nhau. Hạt giống, căn thân, khí thế giới tức cảnh đối tượng duyên của thức thứ tám. Lại vì gìn giữ hạt giống cho nên được huân tập.

Đi sau, đến trước làm ông chủ.

Vì thức này là chủ của quả báo chung nên đến trước nhất khi đầu thai, lúc qua đời thì ở lại sau cùng.

Y cứ vào Kinh Tạp Bảo Tạng luận Luận Du-già và Nhiếp Luận lược giải thích chỗ bỏ ra của thức này. Tổng quát, bài tụng của kinh luận rằng:

Nghiệp lành lạnh từ dưới lên.

Nghiệp ác lạnh từ trên.

Cả hai đều đến nơi tim.

Đồng thời bỏ một chỗ.

Đỉnh: Thánh, mắt: sinh lên trời.

Ở tim con người, bụng ngựa quỳ.

Lìa ở gối bàng sinh.

Chân thoát thì địa ngục.

Nghĩa là kinh khác với luận. Kinh thử nghiệm sự khác nhau của sáu cõi. Luận nói về hai đường thiện, ác. Vì sáu cõi cũng không ngoài thiện, ác, tức tâm sinh tử trước kia.

Trước Bát-động-địa vừa xả Tạng: Nghĩa là thức này từ nhân hữu lậu đến quả vô lậu. Lược có ba vị là:

1. Vị ngã ái chấp tàng.
2. Vị nghiệp quả thiện, ác.
3. Vị chấp trì nối tiếp nhau.

Đầu tiên từ vô thí đến Bát động địa, gọi A-lại-da, Hán dịch là Tạng.

Tiếp theo, cũng từ vô thí đến đạo giải thoát, gọi Tỳ Bá Ca, Hán dịch là dị thực. Vì biến dị mà thực, khác thời gian mà thực, khác loại mà thực nên gọi là dị thực. Quả vị Phật sau cùng tận mé vị lai gọi là vô cấu thức. Đầu tiên, A-lại-da: hữu tình chấp làm nội ngã của mình, dị thực là quả được dẫn do thiện, ác. Gìn giữ chủng, hiện vô lậu không gián đoạn. Nghĩa là thức này, đầu tiên đến địa này, xả Tạng thức, gọi là lỗi lầm nặng, nên hữu tình không chấp làm nội ngã của mình.

Sau đạo kim cương dị thực không.

Nghĩa là chủng, hiện hữu lậu, chủng tập của hai chướng, vì đều đoạn xả hẳn nên xả nhân của tên gọi này và vô lậu kém cũng đều xả

hết.

*Đại viên vô cấu đồng thời phát
Soi rọi khắp mười phương cõi trần.*

Thức này đến quả vị Phật, chuyển thành thể tịnh vô lậu của phẩm

thượng, gọi là thức vô cấu, tương ứng với trí đại viên cảnh, khí đồng phát khởi, soi khắp pháp giới tròn sáng mười phương.

Khế kinh chép: thức Vô cấu của Như Lai là cõi vô lậu thanh tịnh, giải thoát tất cả chướng tương ứng với trí viên cảnh, phân biệt chung bốn trí, nghĩa là trí bình đẳng tánh, trí diệu quan sát, đều có ba phẩm: Phẩm Hạ của Kiến đạo, phẩm Trung của Tu đạo, phẩm Thượng của Cứu cánh, nên chuyển trong nhân. Trí đại viên cảnh, trí thành sở tác đều chỉ có phẩm Thượng, nên chuyển ở trong quả, bài tụng nói:

Hai thức sáu, bảy chuyển trong nhân Năm thức trước, thứ tám viên trong quả.

BÁT THỨC QUY CỬ BỔ CHỨ QUYỂN HẠ
(HẾT)